

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 81/2024/DS - GĐT

Ngày 03 - 4 - 2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán gồm có: 08/9 thành viên tham gia xét xử, do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa:

- **Nguyên đơn:**

- Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1957;
- Bà Hoàng Qui P, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: C3X Khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z.

- **Bị đơn:** Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: C4Z Khu tập thể KD, đường 30 Tháng 4, phường KX, quận K, thành phố Z.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Đinh Quỳnh H1, sinh năm 1996;
- Chị Đinh Thị Hằng T1, sinh năm 1992;
- Bà Trang Hải L, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: C4Z Khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Việt H trình bày:

Vào năm 1991, bà Hoàng Qui P là vợ của ông có làm đơn xin Hội đồng nhà đất Quân khu 9 cấp đất để làm nhà ở theo chế độ sĩ quan quân đội, có nhờ ông Đinh Xuân T làm đơn xin xét duyệt. Tháng 12/2007, sau khi tìm hiểu mới biết phần đất ông T ở là phần đất mà ông được cấp nhưng ông T tự ý đi nhận quyết định, lúc này ông T mới đưa ra đơn xin chuyển nhượng đất ngày 25/5/1995, đơn này là do ông T đọc cho bà P viết nên bà không biết đó là đất trong quân đội. Ông cho rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giao dịch vô hiệu, yêu cầu ông T trả lại phần đất này và giao trả bản chính quyết định số 1429/HĐND ngày 19/01/1994.

Bà Hoàng Qui P thống nhất với lời trình bày của ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đinh Xuân T trình bày và có yêu cầu phản tố như sau:

Ông không đồng ý với lời trình bày của ông H. Vào ngày 19/01/1994, Cục Hậu cần cấp “Giấy chứng nhận sử dụng đất trong quân đội” số 1429/HĐND cho bà Hoàng Qui P. Đến ngày 25/5/1995, bà P đồng ý tự tay viết và ký tên vào đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông, có Bí thư Đảng ủy của Cục Hậu cần Quân khu 9 ký tên đồng ý. Sau đó, ông có làm đơn xin hợp thức hóa lô đất 45 diện tích 80m² tọa lạc tại địa chỉ nêu trên, trong biên bản thẩm tra xác minh thửa đất ngày 13/11/1995 có ông Nguyễn Việt H và ông N ký giáp ranh (ông N là cha ruột của ông H). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý và có đơn phản tố yêu cầu Tòa án bác đơn yêu cầu của các nguyên đơn, công nhận phần đất ông đã nhận chuyển nhượng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Quỳnh H1, Đinh Thị Hằng T1, bà Trang Hải L thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn là ông T.

Những các người làm chứng trình bày:

- Bà Đinh Thị H2 (là mẹ ruột ông Nguyễn Việt H) trình bày: vào năm 1995, ông T có nhờ bà đi lên Quân khu 9 gặp ông Nguyễn Minh H3. Sau đó ông H3 và ông T trao đổi với nhau vấn đề gì bà không biết. Đối với việc mua bán đất giữa ông T và bà P bà không biết và không có ý kiến.

- Ông Nguyễn Trọng N trình bày: ông là cha của ông H và là dượng của ông T. Vào năm 1995, ông T có nhờ ông ký tên vào hồ sơ ranh giới đất lúc đó

có ký tứ cận đúng với thực tế đất mà con ông đang ở và quản lý. Việc tranh chấp giữa ông H, bà P và ông T thì ông không biết và không có ý kiến.

- Ông Nguyễn Minh C (là em ruột ông Nguyễn Việt H) trình bày: ông có ký tên vào biên bản ngày 13/11/1995 để cho ông T xin hợp thức hóa phần đất tọa lạc tại phần đất các bên tranh chấp.

- Ông Nguyễn Minh H3 trình bày: vào tháng 5/1995, mẹ ruột ông H là bà H2 có mang Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P và ông T đến văn phòng xin xác nhận việc bà P chuyển nhượng đất của bà cho ông T, khi đó ông có hỏi bà P đâu thì bà H2 nói bà P bận và ông T là cháu ruột nên gia đình đã bàn bạc thống nhất cho ông T rồi nên khi đó ông đã ký và đóng dấu xác nhận vào đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2014/DS-ST ngày 27/6/2014 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Z tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Buộc ông Đinh Xuân T có nghĩa vụ trả số tiền 517.020.000 đồng tương ứng phần đất tọa lạc tại C4Z, khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z cho ông Nguyễn Việt H và bà Hoàng Qui P.

2. Khi phía bị đơn thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho nguyên đơn xong thì bị đơn có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để kê khai đăng ký theo quy định, đất tọa lạc tại C4Z, khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z có diện tích 86,17m² theo hồ sơ trích đo địa chính do Phòng Tài nguyên lập số 03/VP ĐKQSD vào ngày 20/02/2014.

3. Ghi nhận các nguyên đơn trả 04 chỉ vàng 24k (9999) cho ông Đinh Xuân T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 09/7/2014, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển quyền đất giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu, buộc bị đơn là ông T trả đất cho nguyên đơn, không đồng ý trả 04 chỉ vàng cho bị đơn, đồng ý trả giá trị nhà cho bị đơn.

Ngày 09/7/2014, bị đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận phản tố của bị đơn là công nhận phần đất cho bị đơn có diện tích thực tế 86,17m².

Ngày 11/7/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K có quyết định kháng nghị bản án trên. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án phúc thẩm số 207/2014/DSPT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Z quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Xuân T; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận K; Bác kháng cáo của ông Nguyễn Việt H, bà Hoàng Qui P; Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

2. Công nhận giao dịch chuyển nhượng cho tặng đất thể hiện qua Đơn xin chuyển nhượng ngày 25/5/1995 của bà Hoàng Qui P cho ông Đinh Xuân T là hợp pháp.

3. Ông Đinh Xuân T được quyền sử dụng hợp pháp diện tích 86,17m² đất tọa lạc tại số C4Z khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z.

Ngoài ra bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí.

Ngày 05/12/2014, ông Nguyễn Việt H, bà Hoàng Qui P có đơn đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 207/2014/DSPT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Z.

Ngày 22/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 207/2014/DSPT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Z và đề nghị hủy bản án phúc thẩm trên. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Z xét xử lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 170/2017/DS-GĐT ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2014/DSPT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Z. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Z xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án phúc thẩm số 211/2022/DS-PT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Z tuyên xử (tóm tắt):

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Qui P, ông Nguyễn Việt H. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Xuân T. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Qui P, ông Nguyễn Việt H.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Xuân T.

Công nhận giao dịch chuyển nhượng thể hiện qua Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/5/1995 của bà Hoàng Qui P cho ông Đinh Xuân T là

hợp pháp. Ông Đinh Xuân T được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 65, tờ bản đồ số 32, diện tích 86,17m², địa chỉ: C4Z khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z.

4. Đình chỉ yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu nguyên đơn trả lại 4 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và chi phí thẩm định.

Ngày 17/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Quyết định kháng nghị số 216/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án phúc thẩm số 211/2022/DS-PT ngày 30/8/2022 của Tòa án thành phố Z, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Z xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 304/2022/DS-GĐT ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận kháng nghị số 216/2022/KN-VKS-DS ngày 17/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 211/2022/DSPT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Z. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Z xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án phúc thẩm số 196/2023/DS-PT ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Z tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Qui P, ông Nguyễn Việt H; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Xuân T. Sửa bản án sơ thẩm số 64/2014/DS-ST ngày 27/6/2014 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Z.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Qui P, ông Nguyễn Việt H đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Đinh Xuân T trả lại phần đất có diện tích 80m² đất tranh chấp tại số C4Z khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z theo Giấy cấp số 1429/HĐNĐ ngày 19/01/1994 của Hội đồng nhà đất Quận 9.

Chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn ông Đinh Xuân T. Công nhận cho ông Đinh Xuân T và bà Trang Hải L được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 65, tờ bản đồ số 32, diện tích thực tế 86,17m², địa chỉ: C4Z, khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z đã được Ủy ban nhân dân quận K cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02107 ngày 05/3/2015.

Đình chỉ yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu nguyên đơn trả lại 04 chỉ vàng 24K.

Ngày 16/5/2023, ông Nguyễn Việt H, bà Hoàng Qui P có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án số 196/2023/DS-PT ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Z.

Tại Quyết định kháng nghị số 195/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2023/DS-PT ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Z, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Z giải quyết phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự tranh chấp phần đất diện tích 80m² (đo đạc thực tế 86,17m²) tại số C4Z, khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z (*Hiện nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 32, diện tích 86,17m², địa chỉ: C4Z khu tập thể KD, đường 30/4, phường KX, quận K, thành phố Z đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02107 ngày 05/3/2015 do ông Đinh Xuân T và bà Trang Hải L đứng tên căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2014/DSPT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Z*). Phần đất tranh chấp này có nguồn gốc là đất của Hội đồng Nhà đất Quân khu 9 cấp cho bà Hoàng Qui P theo “*Giấy chứng nhận sử dụng đất trong quân đội*” số 1429/HĐNĐ ngày 19/01/1994, nội dung của Giấy chứng nhận số 1429 ghi cấp cho “*Đồng chí Phụng và chồng con ruột được quyền sử dụng lâu dài, có trách nhiệm nộp thuế và các thủ tục quy định của Nhà nước...Đất được phân phối để ở, khi chuyển quyền sử dụng cho người khác phải được sự chấp thuận của Hội đồng Nhà đất Quân khu*”.

[2] Tại “*Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất*” đề ngày 25/5/1995 của bà Hoàng Qui P gửi Cục Hậu cần Quân khu và Hội đồng nhà đất Quân khu, có nội dung: “*...Hiện nay tôi đồng ý cho anh Đinh Xuân T lô đất nói trên...kính mong hội đồng nhà đất quân khu xem xét và chuyển quyền sử dụng đất của tôi cho anh Đinh Xuân T sử dụng...*”. Đơn có đóng dấu và xác nhận của đồng chí Nguyễn Minh H3, Cục trưởng Cục Hậu cần với nội dung: “*Cơ quan CHC QK9 đồng ý đ/c Hoàng Qui P chuyển phần đất được QK9 cấp cho anh chồng là Đinh Xuân T - bộ đội phục viên*”.

Xét thấy, phần đất này bà P chỉ được cấp giấy chứng nhận của Quân khu, chưa hợp thức hóa tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân),

chưa đảm bảo đầy đủ quyền năng của người sử dụng đất; thực tế sau khi có Bản án phúc thẩm số 207/2014/DS-PT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Z thì ông T đi đăng ký cấp đất vẫn phải đóng tiền sử dụng đất hơn 300.000.000 đồng. Như vậy, đất cấp từ Quân khu chưa được cấp giấy theo quy định nên các bên không thể công chứng, chứng thực được, do đất Quân khu cấp nên khi chuyển quyền phải có sự xác nhận của Quân khu và thực tế, khi bà P chuyển quyền cho ông T đã được sự xác nhận của Thượng tá Nguyễn Minh H3 ký xác nhận. Tại văn bản số 45/DT-CHC ngày 03/4/2009 của Phòng Doanh trại - Cục Hậu cần Quân khu 9 xác định: “việc ông H3 ký là đúng thẩm quyền bởi ông H3 là ủy viên Hội đồng nhà đất có quyền ký phân phối cấp đất, thu hồi đất, xác nhận chuyển nhượng đất cho tất cả cán bộ, sỹ quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên Quốc phòng...”. Như vậy, việc chuyển nhượng đất từ bà P đã được Hội đồng Nhà đất quân khu biết và đồng ý cho chuyển nhượng, cho đến thời điểm hiện nay không có ý kiến hay bất kỳ phản đối nào từ phía Hội đồng Nhà đất Quân khu; bà P cũng xác nhận đã viết và ký vào đơn chuyển nhượng cho ông T; ông T cũng đã nhận đất sử dụng từ năm 1995 cho đến khi tranh chấp năm 2007. Do vậy, có cơ sở xác định ý chí bà P do không có nhu cầu sử dụng phần đất này nên chuyển nhượng (cho) đất cho ông T.

Quyết định kháng nghị nhận định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất” giữa bà P và ông T không được sự đồng ý của Hội đồng nhà đất Quân khu, không công chứng, chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền, chưa tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất là chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

[3] Xét nội dung kháng nghị cho rằng ông H là chồng bà P không có ký tên vào đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bị vô hiệu, thấy rằng:

Phần đất tranh chấp này có vị trí cạnh đất ông H (*đất cũng thuộc trường hợp ông H được Quân khu 9 cấp ngày 15/01/1993 diện tích 400m²*). Tại Biên bản thẩm tra xác minh đất của ông T ngày 18/11/1995 có nội dung ghi

nguồn gốc thửa đất: “Phần đất này của Hoàng Qui P được nhà đất QK 9 cấp số 1429...bà Phương cho lại người anh là Đinh Xuân T...” thì bà P có ký tên là bên chuyển nhượng, ông Nguyễn Việt H có ký tên chủ đất giáp ranh với thửa đất của ông T; và Biên bản thẩm tra xác minh thửa đất ngày 20/2/1998, biên bản đo đạc xác minh hiện trạng nhà ở, đất ở ngày 02/5/1998 thửa đất của ông H thì ông Đinh Văn Thân cũng ký tên chủ đất giáp ranh với thửa đất của ông H. Các biên bản này đều được chính quyền địa phương xác nhận. Như vậy, cho thấy ông H cùng gia đình biết việc bà P đã chuyển nhượng (cho) đất cho ông T mà không có

ý kiến phản đối, không tranh chấp gì, thể hiện ý chí ông H đồng thuận với bà P trong việc chuyển nhượng phần đất cho ông T sử dụng.

[4] Ông T sử dụng đất ổn định 12 năm, cất nhà có xin phép chính quyền địa phương nhưng gia đình nguyên đơn không phản đối, bà P ông H chưa từng quản lý sử dụng phần đất tranh chấp này. Sau khi được Tòa án công nhận phần đất này thông qua Bản án phúc thẩm số 207/2014/DS-PT ngày 25/11/2014 thì ông T cũng phải thực hiện nghĩa vụ nộp giá trị quyền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước và ông T mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản xác minh ngày 16/4/2021, Ủy ban nhân dân quận K xác định việc cấp giấy chứng cho ông T là đúng đối tượng.

[5] Từ những phân tích trên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp bà P đã giao cho ông T sử dụng, ông H biết nhưng không phản đối trong thời gian dài, chỉ khi các bên tranh chấp phần ranh đất thì mới phát sinh vụ việc này. Ông T đã thanh toán tiền được nguyên đơn thừa nhận, thực tế ông T là người sử dụng đất từ khi Quân khu cấp, ông cũng phải đóng tiền sử dụng đất thì mới được cấp giấy chứng nhận nên căn cứ Điều 100 Luật Đất đai, ông T là người đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337 và khoản 1 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 195/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 196/2023/DS-PT ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Z về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Việt H, bà Hoàng Qui P với bị đơn là ông Đinh Xuân T.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND thành phố Z (để biết);
- TAND quận K (để biết);
- CTHADS quận K (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTII, HSVA, THS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân

